

Số: **3126** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **06** tháng **10** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới,
được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực giao thông vận tải
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải: số 877/QĐ-BGTVT ngày 24/7/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm hàng hải, đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 994/QĐ-BGTVT ngày 10/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt; số 995/QĐ-BGTVT ngày 10/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 52/TTr-SGTVT ngày 29/8/2023. 



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành, mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính số thứ tự 1,2 mục II, số thứ tự 2 mục III, phần B tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ GTVT;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGCTC;
- Công TTĐTTP;
- CV: KSTTHC1;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3126** /QĐ-UBND ngày **06** /**10**/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. TTHC BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (03 TTHC)

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở GTVT	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I	Lĩnh vực đường sắt (03 TTHC)								
1	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	07 ngày	03 ngày	Sở Giao thông vận tải	Không quy định	Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ GTVT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị. - Thông tư số 11/2023/TT-BGTVT ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.
2	1.000294	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	07 ngày	03 ngày	Sở Giao thông vận tải	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	
3	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	03 ngày	02 ngày	Sở Giao thông vận tải	Không quy định	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	



B. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (05 TTHC)

I. TTHC ban hành mới lĩnh vực đăng kiểm (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km: trong thời hạn 01 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường; - Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo: Trong thời hạn 02 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường. 	Sở Giao thông vận tải	50.000 đồng/01 giấy chứng nhận	Một phần	Tiếp nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

2	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	<p>- Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km: trong thời hạn 01 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường;</p> <p>- Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biên, đảo: Trong thời hạn 02 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.</p>	Sở Giao thông vận tải	50.000 đồng/01 giấy chứng nhận	Một phần	Tiếp nhận	<p>- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;</p> <p>- Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.</p>
---	----------	---	--	-----------------------	--------------------------------	----------	-----------	--



II. TTHC được sửa đổi bổ sung (03 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực đăng kiểm (01 TTHC)				
1	1.001284	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;	Sửa đổi phạm vi đăng kiểm: “Đơn vị đăng kiểm được chia thành hạng I, hạng II, hạng III theo yêu cầu về năng lực quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 16/2023/TT-BGTVT. Theo đó, Đơn vị Đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải là đơn vị đăng kiểm hạng III thực hiện công tác đăng kiểm đối với phương tiện thủy nội địa có tổng dung tích dưới 500 GT, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 300 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ tàu cấp VR-SB, tàu nhiều thân, tàu chở công te nơ, tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm).
Lĩnh vực đường thủy nội địa (02 TTHC)				
2	1.004261	Cấp giấy phép vận tải qua biên giới	Thông tư số 13/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy	Tên thủ tục được sửa đổi từ “Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện thủy” thành “Cấp giấy phép vận tải qua biên giới”. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép vận tải qua biên giới được sửa đổi lại thành: 1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép vận tải qua biên giới cho phương tiện thủy hoạt động vận tải Nhóm 1 và Nhóm Đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư 08/2012/TT-BGTVT. 2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép vận tải qua biên giới cho phương tiện thủy thuộc quyền quản lý của địa phương Nhóm 1, 2 và Nhóm Đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư 08/2012/TT-BGTVT. 3. Trường hợp Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp Giấy phép vận tải qua biên giới cho phương tiện thủy hoạt động vận tải Nhóm 1 và Nhóm Đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện đăng ký. Trường hợp Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy phép vận tải qua biên giới cho phương tiện thủy thuộc quyền quản lý của địa phương Nhóm 1, 2 và Nhóm Đặc biệt

				<p>theo quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo cho Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.”.</p> <p>* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải qua biên giới được sửa đổi lại thành:</p> <p>a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải qua biên giới cho phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 13/2023/TT-BGTVT;</p> <p>b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;</p> <p>c) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</p> <p>d) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách.”</p>
3	1.004259	Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới	<p>Thông tư số 13/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy</p>	<p>Tên thủ tục được sửa đổi từ “Cấp lại Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện thủy” thành “Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới”.</p>